

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỐNG NHẤT  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 87/2021/HSST  
Ngày 24/6/2021**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Mạnh Cường**
- Các Hội thẩm nhân dân: **1/ Ông Trần Đại Nghĩa**  
**2/ Ông Nguyễn Thành Lam**
- Thư ký phiên tòa: **Ông Phạm Việt Dũng** là Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: **Ông Lê Trần Thọ** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại Hội trường A Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử công khai án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 90/2021/HSST ngày 16 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2021/HSST-QĐ, ngày 16 tháng 6 năm 2021, đối với các bị cáo:

**1. Trần Văn M** (theo bị cáo trình bày tại phiên tòa, bị cáo không có tên gọi khác), sinh năm 1987 tại Thanh Hóa. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn T, xã N, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Nơi tạm trú: ấp 1, xã T, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Văn L, đã chết và bà Lưu Thị H, sinh năm 1962; có vợ Trần Thị N, sinh năm 1991; Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2010 và nhỏ nhất sinh năm 2019

+/- Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thống Nhất từ ngày 04/3/2021 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

**2. Bùi Quốc V** (theo bị cáo trình bày tại phiên tòa, bị cáo có tên gọi khác là V), sinh năm 1988 tại Đồng Nai. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: 850 khóm 1, ấp 2, xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967; Có vợ là Nguyễn Thị Th, sinh năm 1990; Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2012 và nhỏ nhất sinh năm 2019.

+/- Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 13/12/2012 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xử phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích” được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam 04 (bốn) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày nên còn phải chấp

hành 10 (mười) tháng 03 (ba) ngày. Thời gian thừa thách là 01 (một) năm 08 (tám) tháng 06 (sáu) ngày. Thời điểm chấp hành tính từ ngày tuyên án, chấp hành xong từ ngày 19/8/2014

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thống Nhất từ ngày 06/12/2020 đến ngày 26/3/2021 được thay đổi bằng biện pháp bảo lãnh. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Thống Nhất về tội “Đánh bạc”, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

+ **Bị hại: Anh Phạm Văn V**, sinh năm 1988; nơi cư trú: 59 tổ 2, ấp L, xã H, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

(Anh V có mặt tại phiên tòa)

+ **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**1. Chị Trần Thị N**, sinh năm: 1991

Địa chỉ: tổ 1, ấp 1, xã T, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

**2. Chị Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm: 1999

Địa chỉ: 59 tổ 2 ấp L, xã H, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

**3. Bà Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: 850 khóm 1, ấp 2, xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

(Chị N, chị T và bà L có mặt tại phiên tòa)

+ **Người làm chứng:**

**1. Chị Đào Thị Kim P**, sinh năm: 2000

Địa chỉ: Xóm 9, xã H, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận

**2. Chị Nguyễn Thị Lan V**, sinh năm: 1984

Địa chỉ: 114 tổ 6, ấp 4, xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

(Chị P và chị V vắng mặt tại phiên tòa).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

Vào khoảng 17 giờ, ngày 23/8/2019, anh Phạm Văn V, sử dụng xe mô tô biển số 60B7-513.75 đến quán cà phê Hương Lan, tại ấp 3, xã L, huyện Thống Nhất trong tình trạng đã sử dụng rượu và say xỉn. Sau khi anh V vào chòi số 2 của quán cà phê Lan Hương thì gặp nhân viên của quán Hương Lan là chị Đào Thị Kim P đến ngồi tiếp chuyện. Quá trình nói chuyện, anh V hỏi chị P có muốn qua quán của chị V làm không, chị P không đồng ý và có lời trêu trọc nên chị P ra khỏi chòi và xuống nói lại với bị cáo Trần Văn M. Bị cáo M lên chòi số 2 nói chuyện với V thì giữa hai bên xảy ra mâu thuẫn. Anh V ra ngoài dùng chai thủy tinh loại nước Sting chọi bị cáo M nhưng không trúng, bị cáo M và anh V xảy ra xô xát với nhau, bị cáo M dùng tay giật chai anh V đang cầm trên tay và dùng tay đánh 01- 02 cái vào người anh V thì sự việc dừng lại. Sau đó có ông Nguyễn Minh H sang quán cà phê Hương Lan chứng kiến sự việc thì anh V vẫn có thái độ hung hăng, chửi bới những người có mặt tại quán cà phê Hương Lan nên ông H bỏ về. Trong lúc xảy ra xô xát giữa thầy anh V gọi điện thoại cho người khác đến quán để giải quyết nên bị cáo M đã gọi điện thoại cho bị cáo Bùi Quốc V nói

anh Phạm Văn V uống rượu say xin đến quán của quây phá. Khoảng 15 phút sau, bị cáo Bùi Quốc V được 01 đối tượng tên M (không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ) chở đến quán cà phê Hương Lan bằng xe mô tô hiệu Honda Ariblade. Khi vào quán Hương Lan, bị cáo V gặp anh V và nói chuyện với anh V thì tiếp tục nảy sinh mâu thuẫn dẫn đến xô xát. Bị cáo V dùng tay tát mạnh vào mặt anh V, anh V khụy, ngồi xuống, bị cáo V dùng chân đạp vào người làm anh V ngã và phần đầu đập xuống nền gạch trong quán Hương Lan và bất tỉnh. Một lúc sau, chị Nguyễn Thị Bích Th là vợ anh V đến quán cà phê Hương Lan đưa anh V đi cấp cứu và điều trị thương tích. Sau đó, anh V có đơn tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất. (Bút lục số 38, 42-56, 164-189, 229)

Kết luận giám định số: 1120/TgT ngày 12/12/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai xác định Phạm Văn V bị thương tích: Chấn thương sọ não phải phẫu thuật để lại khuyết sọ đáy cứng kích thước 12 x 9,5 cm, tỷ lệ thương tích 35%; Chấn thương sọ não gây máu tụ dưới màng cứng đã điều trị không để lại di chứng, tỷ lệ thương tích 21%; Chấn thương gãy xương chính mũi không ảnh hưởng chức năng, tỷ lệ thương tích 09 %; Áp dụng theo phương pháp cộng lùi thì tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 53%, vật gây thương tích: chấn thương đầu, mặt, bụng do vật tày. (Bút lục số 57-88)

Quá trình điều tra, các bị cáo Trần Văn M, Bùi Quốc V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. (Bút lục số 203-217)

+/- Vật chứng, đồ vật trong vụ án: Không có

+/- Trách nhiệm dân sự: Gia đình các bị cáo Trần Văn M, Bùi Quốc V đã bồi thường dân sự cho bị hại anh Phạm Văn V số tiền 320.000.000đ (ba trăm hai mươi triệu đồng). Anh V đã có đơn bãi nại về phần bồi thường dân sự trong vụ án và xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo M, V (Bút lục số 248)

Tại bản Cáo trạng số: 43/VKS-HS ngày 14/4/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất đã truy tố bị cáo Trần Văn M và Bùi Quốc V về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất giữ nguyên quan điểm về nội dung vụ án, tội danh, khung hình phạt đã truy tố đối với hai bị cáo. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại có một phần lỗi.

Từ những căn cứ trên, áp dụng khoản 1 và điểm a, khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Trần Văn M từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 và điểm a, khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Bùi Quốc V từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

+/- Về trách nhiệm dân sự:

Anh Phạm Văn V đã nhận tiền bồi thường của các bị cáo, không thắc mắc khiếu nại gì về sau nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Bà Nguyễn Thị L và chị Trần Thị N không yêu cầu các bị cáo hoàn trả số tiền đã bồi thường cho bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn M và Bùi Quốc V đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, các bị cáo không có ý kiến về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát vừa đề nghị đối với hai bị cáo và không có ý kiến, tranh luận gì khác.

Bị hại anh Phạm Văn V trong quá trình điều tra, truy tố không có ý kiến về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát vừa đề nghị đối với hai bị cáo và không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo M nói lời sau cùng: Bị cáo lần đầu phạm tội, hiện bị cáo có hai con nhỏ nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo V nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Thống Nhất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Văn M và Bùi Quốc V đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ, đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 17 giờ 00, ngày 23/8/2019, tại quán cà phê H thuộc ấp 2, xã Lộ 25, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai anh Phạm Văn V trong tình trạng say xỉn đến quán cà phê Hương Lan và phát sinh mâu thuẫn với bị cáo Trần Văn M (chủ quán cà phê H) giữa hai bên xảy ra xô xát. Anh V dùng chai thủy tinh loại nước uống Sting chọi bị cáo Trần Văn M nhưng không trúng, bị cáo M dùng tay không chế và đánh anh V. Quá trình xảy ra xô xát thấy anh V gọi điện thoại cho vợ kêu người đến quán để giải quyết, do lo sợ nên bị cáo M đã gọi điện thoại nhờ bị cáo Bùi Quốc V đến quán H để dàn xếp nói chuyện với anh V. Khi bị cáo V đến quán gặp anh V thì tiếp tục xảy ra mâu thuẫn giữa bị cáo V và anh V và dẫn đến xô xát. Bị cáo V dùng tay đánh vào mặt làm anh V ngã quỵ xuống và dùng chân đạp vào người làm anh V ngã, phần đầu bên phải đập xuống nền trong quán cà phê H của bị cáo M. Hậu quả làm anh Phạm Văn V bị tổn thương cơ thể với tỷ lệ 53 % (năm mươi ba phần trăm). Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố hành vi như trên của các bị cáo Trần Văn M và Bùi Quốc V về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại, bị hại đã có đơn bãi nại trách nhiệm dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo M có bác ruột là ông Trần Văn T tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế và ông Trần Xuân B là chiến sĩ, quân nhân trong quân đội. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) cần áp dụng để xem xét cho các bị cáo khi lượng hình.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, trong vụ án này do xảy ra mâu thuẫn với anh V và lo sợ anh V kêu thêm người đến quán quây phá nên bị cáo M đã gọi nhờ bị cáo V đến để dàn xếp nói chuyện với anh V. Bị cáo M không yêu cầu hay nói bị cáo V đến quán để đánh anh V, việc bị cáo V gây thương tích cho anh V là nằm ngoài ý thức chủ quan của bị cáo M. Tuy nhiên, hậu quả anh V bị thương tích như trên xuất phát từ mâu thuẫn giữa bị cáo M và anh V nên bị cáo M phải chịu chung hậu quả do bị cáo V gây ra. Bị hại anh Phạm Văn V cũng có phần lỗi đến quán của bị cáo M trong lúc say xỉn, lôi kéo tiếp viên của bị cáo M đến nơi khác làm việc từ đó dẫn đến mâu thuẫn và hậu quả như trên. Do bị cáo V có nhân thân xấu nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Do bị cáo M có hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, là lao động chính trong gia đình và đang nuôi con nhỏ nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà xử phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định của pháp luật là đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[6] Bị cáo V có hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) nên áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) đối với bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Phạm Văn V đã nhận tiền bồi thường và không có ý kiến hay khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017). Áp dụng Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

[2] Tuyên bố: Bị cáo **Trần Văn M** phạm tội “**Cố ý gây thương tích**”.

[3] Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn M 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng**

**án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm** tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[3.1] Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Trần Văn M nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về tội phạm khác.

[3.2] Giao cho Ủy ban nhân dân xã T, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo Trần Văn M trong thời gian thử thách.

[3.3] Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự 2019.

[3.4] Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[4] Căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

[5] Tuyên bố: Bị cáo **Bùi Quốc V**, (tên gọi khác là V) phạm tội “**Cố ý gây thương tích**”.

[6] Xử phạt: Bị cáo **Bùi Quốc V**, (tên gọi khác là V) **01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 06/12/2020 đến ngày 26/3/2021

[7] Về án phí:

[7.1] Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7.2] Buộc các bị cáo Trần Văn M, Bùi Quốc V mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Các bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai
- Công an tỉnh Đồng Nai (phòng hồ sơ)
- VKSND H.Thống Nhất;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- CA h. Thống Nhất;
- Chi cục THA h. Thống Nhất;
- UBND xã T, tx. Phú Mỹ,
- tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
- Bị hại; Bị cáo; Người có QLNVLQ
- Lưu HS.

**Vũ Mạnh Cường**